

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2017/DSST

Ngày: 01-12-2017

V/v xin ly hôn và tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Khêm

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
T.

Trong ngày 01 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Bích N**, sinh năm 1985, có mặt;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh **Tăng Quốc K**, sinh năm 1980, có mặt;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2017 quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích N trình bày:

Vào ngày 06/11/2012 chị N với anh K có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc bên nhà cha mẹ ruột của chị N, sau khi vợ chồng ra ở riêng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh K không lo làm ăn, không phụ giúp chị N trong cuộc sống gia đình, hàng ngày chị N phải ra chợ buôn bán để kiếm tiền nuôi con trong khi đó anh K thì suốt ngày chỉ biết chờ bời, chị N đã cho anh K nhiều cơ hội nhưng anh K đã không trân trọng cuộc sống của vợ chồng nên chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống từ đầu năm 2017. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị N yêu cầu được ly hôn anh Tăng Quốc K.

Về con chung: có 02 con chung tên là Tăng Bích Ng, sinh ngày 19/9/2012 và Tăng Bích V, sinh ngày 23/02/2015, từ khi ly thân đến nay hai con đều sống chung với chị N, nay chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, vì hàng ngày anh K chỉ biết đi chơi không lo làm ăn nên anh K không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: 01 căn nhà tường mái tole, nền gạch men ngang 04 mét, dài 25 mét gắn với diện tích đất của cha mẹ chồng, giá trị tại thời điểm xây dựng là 130.000.000 đồng. Chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, chị N với anh K sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Về nợ chung: Chị N thống nhất khai không có.

Tại bản tự khai ngày 07/11/2017 và tại phiên tòa bị đơn Tăng Quốc K trình bày:

Anh K thống nhất với chị N về thời gian kết hôn, thời gian sống chung và thời gian ly thân, nguyên nhân chị N nộp đơn ly hôn với anh K là do anh K thiếu quan tâm đến vợ con, ham chơi game, nay anh K đã hối hận về những việc làm của mình, sau khi chị Ng bỏ nhà đi thì anh cũng đã tìm việc làm để làm, hiện nay anh đang lái xe cho một Doanh nghiệp tại xã S, huyện C để có tiền trang trải cuộc sống, nay chị N yêu cầu ly hôn với anh K thì anh K không đồng ý, nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh K cũng đồng ý nhưng với điều kiện phải giao hai con chung là Tăng Bích Ng, sinh ngày 19/9/2012 và Tăng Bích V, sinh ngày 23/02/2015 cho anh K nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: 01 căn nhà tường mái tole, nền gạch men ngang 04 mét, dài 25 mét gắn với diện tích đất của mẹ ruột anh K, giá trị tại thời điểm xây dựng là 130.000.000 đồng, anh K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, anh với chị N sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Về nợ chung: Anh K thống nhất khai không có.

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

1. 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn quyền số 01 số 119 (bản chính)

2. 02 giấy khai sinh của cháu Tăng Bích Ng và Tăng Bích V
3. 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị Bích N

Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: không có

Những tình tiết các bên thống nhất:

Về hôn nhân: thống nhất về thời gian kết hôn, thời gian sống chung và thời gian ly thân.

Về con chung: thống nhất có 02 con chung Tăng Bích Ng, sinh ngày 19/9/2012 và Tăng Bích V, sinh ngày 23/02/2015.

Về tài sản chung: căn nhà tường mái tole, nền gạch men ngang 04 mét, dài 25 mét gắn với diện tích đất của mẹ chồng, giá trị tại thời điểm xây dựng là 130.000.000 đồng. Hai bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Những tình tiết các bên không thống nhất: bị đơn anh Tăng Quốc K không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bích N và anh Tăng Quốc K có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Tăng Quốc K, tại phiên tòa nay anh K không đồng ý ly hôn, nếu chị N cương quyết ly hôn thì yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho vợ chồng anh được ly thân với nhau còn ly hôn thì anh không đồng ý, theo chị N trình bày anh K suốt ngày chỉ lo đi chơi không phụ giúp chị trong việc chăm sóc con cũng như đi làm kiếm tiền để trang trải cuộc sống gia đình, anh K cũng thừa nhận do anh nghiện chơi game nên bỏ mặc vợ con, nhưng từ khi chị N và con bỏ về nhà cha mẹ ruột, anh đã đi xin việc làm và không còn nghiện game nữa. Xét thấy tình trạng vợ chồng giữa chị N và anh K có phát sinh một số mâu thuẫn từ chỗ anh K không quan tâm chăm sóc vợ con mà suốt ngày chỉ biết chơi game, quá trình tố tụng Tòa án cũng đã động viên chị N nên cho anh K cơ hội sửa chữa nhưng chị N cho rằng thời gian vợ chồng còn sống chung chị đã cho anh K rất nhiều cơ hội nhưng anh K đã không sửa chữa lỗi lầm, nay chị N không thể nào sống chung với anh K được nữa nên chị N cương quyết ly hôn với anh K, anh K cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh mê chơi, chị N cũng đã nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống, nhưng sau đó anh đến rước thì chị lại về, anh nghĩ chị N vì con sẽ cố gắng chịu đựng sống chung với anh và sẽ không nộp đơn xin ly hôn với anh, điều đó chứng tỏ chị N đã cho anh K nhiều cơ hội

để anh K sửa đổi, nhưng anh K đã không trân trọng cuộc sống vợ chồng, từ đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Bích N, cho chị Huỳnh Thị Bích N được ly hôn với anh Tăng Quốc K.

Về con chung: có 02 con chung tên là Tăng Bích Ng, sinh ngày 19/9/2012 và Tăng Bích V, sinh ngày 23/02/2015. Xét việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên, xét chị N hàng ngày buôn bán ngoài chợ, còn anh K thì sau khi chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống thì anh có đi xin việc làm và theo anh thì công việc của anh bắt đầu từ sáng sớm đến chiều tối mới về đến nhà, hai cháu còn rất nhỏ cần phải có sự chăm sóc của cha mẹ và từ khi ly thân đến nay hai cháu sống chung với chị N. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu theo quy định tại Điều 81 luật hôn nhân và gia đình xét thấy cần giao hai cháu Tăng Bích Ng và Tăng Bích V cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có quy định “... Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.....”. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử cũng đã giải thích về quyền cấp dưỡng nuôi con nhưng chị N cương quyết không yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản: Chị N và anh K khai vợ chồng có 01 căn nhà tường mái tole, nền gạch men ngang 04 mét, dài 25 mét gắn với diện tích đất của gia đình anh K, giá trị tại thời điểm xây dựng là 130.000.000 đồng. Chị N và anh K thống nhất hai bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị N và anh K thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Bích N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Huỳnh Thị Bích N được ly hôn với anh Tăng Quốc K.

2. *Về con chung*: Chị Huỳnh Thị Bích N được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên là Tăng Bích Ng, sinh ngày 19/9/2012 và Tăng Bích V, sinh ngày 23/02/2015. Anh Tăng Quốc K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Huỳnh Thị Bích N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. *Về tài sản*: 01 căn nhà tường mái tole, nền gạch men ngang 04 mét, dài 25 mét gắn với diện tích đất của cha mẹ anh Tăng Quốc K, giá trị tại thời điểm xây dựng là 130.000.000 đồng. Chị N và anh K thống nhất hai bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Chị N và anh K thống nhất khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011695 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bị đơn anh Tăng Quốc K không phải chịu án phí.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thạch Thị Thu Hiền